

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2021/HC-PT

Ngày 02 tháng 7 năm 2021

V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi  
phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý  
đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Liêm  
Ông Trương Công Thi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 160/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1406/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố B 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 14/10/2020).

**2. Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông Nguyễn Phùng A, Phó trưởng phòng Giá đất bồi thường và tái định cư thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.

## 2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N:* Ông Nguyễn Sơn V, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N.

**4. Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố B 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**5. Người kháng cáo:** Bà Phạm Thị N (là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

Tại phiên tòa: Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Phạm Thị N trình bày:*

Thửa đất số 345, 346 tờ bản đồ số 04, tại phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là của họ tộc bà Nguyễn Thị L, trên đất có 15 ngôi mộ. Họ tộc đã giao cho bà vào ngày 10/3/2000, bà L đã thuê người bốc hài cốt mồ mả; ngày 10/3/2001, bà L nhận chuyển nhượng tiếp của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N thêm phần diện tích 15m x 15m.

Phần đất của bà L không nằm trong quy hoạch khu dân cư P, phường N, thị xã N. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân (UBND) phường N lại thu hồi đất của bà mà không có Quyết định thu hồi đất, không thông báo công khai cho nhân dân địa phương.

Ngày 16/5/2018, bà bị UBND phường N lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi xây dựng móng đá chẻ diện tích 30 m<sup>2</sup> (5,3m x 5,7m) trên phần đất thuộc quy hoạch khu dân cư P, phường N.

Ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị L về hành vi lấn chiếm, đất ở.

Ngày 03/6/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Ngày 26/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2995/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị L, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L; bà L tiếp tục khiếu nại.

Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Ngày 26/3/2019, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N, Quyết định số 2381/QĐ-XPVHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N, Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

2. *Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa và Chủ tịch UBND thị xã N* (Tại văn bản trình bày ý kiến số 2894/UBND ngày 04/9/2019 và Văn bản số 4676/UBND-NC ngày 20/5/2019):

Ngày 14/01/2008, UBND huyện N (nay là thị xã N) ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ quy hoạch phân lô chi tiết khép kín khu dân cư năm 2006 - xã N (nay là phường N).

Ngày 23/7/2012, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ quy hoạch phân lô Khu dân cư P, phường N.

Theo Tờ bản đồ số 01 và Sổ mục kê thì thửa đất số 40 (đất nghĩa địa), thửa đất số 41 (đất quy hoạch); thửa đất số 35 (đất quy hoạch) tờ bản đồ số 4 do UBND xã N (nay là phường N) quản lý.

Năm 2018, bà Nguyễn Thị L xây 01 lớp đá chẻ ngang 5m, dài 6m thuộc lô đất tại phường N. Ngày 16/5/2018, UBND phường N lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị L do có hành vi lấn, chiếm đất.

Ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2381/QĐ-XPVHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị L về hành vi lấn, chiếm đất ở.

Ngày 03/6/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại lần đầu, gửi Chủ tịch UBND thị xã N yêu cầu thu hồi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2381/QĐ-XPVHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Ngày 26/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2995/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, với nội dung: Bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L không đồng ý với Quyết định nêu trên và có đơn tiếp tục khiếu nại, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết.

Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L. Công nhận Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L:

- Thửa đất số 345 và 346, tờ bản đồ số 4 quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N đã được UBND thị xã N phê duyệt. Bà Nguyễn Thị L xây một lớp đá chẻ thuộc 01 phần thửa đất số 345 và 01 phần thửa đất số 346 với diện tích  $5,3\text{m} \times 5,7\text{m} = 30,21\text{m}^2$  theo sơ đồ thửa đất số 1120/2018/SĐĐ, tỉ lệ 1/1000 đo chỉnh lý, xác định ranh giới thửa đất số, tờ số 17 bộ BĐ.ĐC phường N do Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N ký ngày 21/5/2018; nguyên trước khi quy hoạch là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 xã N (nay là phường N), loại đất hoang do UBND xã N quản lý (trên hồ sơ quản lý là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang).

- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 26/3/2018 của UBND phường N với bà Nguyễn Thị L; Công văn số 36/UBND ngày 29/3/2018 của UBND phường N về việc trả lời đơn cho bà Nguyễn Thị L; Biên bản làm việc ngày 12/4/2018 giữa UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Hội Cựu chiến binh phường và Tổ trưởng Tổ dân phố B 2 với bà Lương Thị M, bà Nguyễn Thị L và bà Đỗ Thị T; Biên bản làm việc ngày 11/7/2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N với UBND phường và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường N cho thấy:

+ Khu quy hoạch phân lô khu dân cư B 2, xã N năm 2006 thuộc thửa đất số 40 (loại đất nghĩa địa), thửa đất số 41 (loại đất quy hoạch) tờ bản đồ số 01 được UBND huyện N cho phép UBND xã N tiến hành lập phương án đền bù, giải tỏa mồ mả năm 2008 và được thông báo trên đài truyền thanh cho các hộ dân trên địa bàn xã N, D có mồ mả thì đến hiện trường cùng với UBND xã để kiểm kê số lượng mồ mả, bồi thường theo quy định của Nhà nước và di chuyển hài cốt đến nghĩa địa M chôn cất (gồm 480 ngôi mộ) không có tên của hộ bà Nguyễn Thị L.

+ Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 (loại đất hoang) do UBND xã N quản lý (trên hồ sơ quản lý là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang).

+ Khu quy hoạch phân lô khu dân cư B 2, xã N năm 2006 và Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 đã được UBND thị xã N phê duyệt hồ sơ quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 và được tổ chức bán đấu giá vào các năm 2014, 2015, 2016.

Do đó, ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị L về hành vi lấn chiếm đất ở là đúng quy định.

Việc bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại đề nghị thu hồi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2381/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N là không có cơ sở giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần hai), với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L; công nhận Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Với những căn cứ và hồ sơ, tài liệu nêu trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

*3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân

phường N thống nhất với trình bày của người bị kiện.

4. *Tại bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:*

Căn cứ Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 32 Luật đất đai;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2381/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N; Các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N, Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ; phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. *Kháng cáo:*

Ngày 04/12/2019, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý vụ án, ngày 06/3/2021 bà Phạm Thị N có Văn bản ghi ý kiến về nội dung kháng cáo và ngày 20/6/2021 bà Phạm Thị N có Đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà N tiếp tục trình bày một số nội dung có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bà.

6. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến tham gia phiên tòa nhưng người kháng cáo có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có ý kiến về việc giải quyết vụ án; các đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị L là bà Phạm Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp cho Tòa án, bà L cho rằng: Thửa đất 345, 346 mà bà L khiếu kiện có diện tích  $30\text{m} \times 20\text{m} = 600 \text{ m}^2$  trong đó có 15 ngôi mộ của họ tộc bà L. Ngày 10/3/2000, họ tộc đã lập “Giấy cam kết cho đất từ đường bốc hài cốt mã” với nội dung: “Giao cho Nguyễn Thị L 01 lô đất từ đường chôn mồ mã ông bà gồm 15 cái. Diện tích  $30\text{m} \times 20\text{m} = 600 \text{ m}^2$ ... không ai được tranh chấp”; cùng ngày 10/3/2000, bà lại lập “Giấy hợp đồng bốc hài cốt mã” với nội dung bà thuê ông Trần Minh Nhi bốc hốt toàn bộ 15 ngôi mộ trên. Sau đó, bà L rào toàn bộ diện tích đất bằng 36 trụ bê tông. Năm 2001, bà L tiếp tục nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị N  $15\text{m} \times 15\text{m}$  đất giáp ranh đất khao hoang của ông L. Bà L cho rằng diện tích đất trên của bà bị UBND phường N thu hồi, phân lô bán đấu giá vào năm 2008 là trái pháp luật. Theo đó, toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại cũng đều trái pháp luật.

[2] Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Tại Biên bản vi phạm hành chính do UBND phường N lập ngày 16/5/2018 xác định: Bà Nguyễn Thị L có hành vi lấn chiếm đất ở thuộc một phần thửa 345, thửa 346 tờ bản đồ số 4 (thuộc khu vực đã quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N được UBND thị xã N phê duyệt theo Quyết định 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012) để xây dựng công trình trái phép. Cụ thể: Diện tích vi phạm  $30\text{m}^2$ ; kết cấu xây dựng: Móng xây đá chẻ, tường xây gạch một bên cao 1,4m.

Theo nội dung các Biên bản làm việc ngày 12/4/2018 giữa UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh phường N và Tổ trưởng tổ dân phố B 2 với bà Lương Thị M, bà Nguyễn Thị L và bà Đỗ Thị T; Biên bản làm việc ngày 11/7/2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N với UBND phường và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường N cho thấy: Khu quy hoạch phân lô khu dân cư B 2, xã N năm 2006 thuộc thửa đất số 40 (loại đất nghĩa địa), thửa đất số 41 (loại đất quy hoạch), tờ bản đồ số 01 được UBND huyện N cho phép UBND xã N tiến hành lập phương án đền bù, giải tỏa mồ mã năm 2008 và được thông báo trên đài Truyền thanh cho các hộ dân trên địa bàn xã N, D có mồ mã thì đến hiện trạng cùng với UBND xã để kiểm kê số lượng mồ mã, bồi thường theo quy định của Nhà nước và di chuyển hài cốt đến nghĩa địa M chôn cất (gồm 480 ngôi mộ) không có tên của họ bà Nguyễn Thị L. Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 loại đất hoang) do UBND xã N quản lý (trên hồ sơ quản lý là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang). Khu quy hoạch phân lô khu dân cư B 2, xã N

năm 2006 và Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 đã được UBND thị xã N phê duyệt hồ sơ quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N, thị xã N tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 và được tổ chức bán đấu giá vào các năm 2014, 2015, 2016.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2020 và Trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH đo đạc dịch vụ địa chính N đo vẽ thì phần diện tích đất mà bà Nguyễn Thị L có khiếu kiện nằm hoàn toàn trong khu quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N.

[3] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị L giao nộp cho Tòa án “Giấy cam kết cho đất từ đường bốc hải cốt mã” do họ tộc lập ngày 10/3/2000 với nội dung: “*Giao cho Nguyễn Thị L 01 lô đất từ đường chôn mồ mã ông bà gồm 15 cái. Diện tích 30m x 20m = 600 m<sup>2</sup>...*” là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, bà L không có tài liệu nào để chứng minh diện tích đất trên là “đất từ đường” và đối với đất có mồ mã “Đông, tây, nam, bắc đều giáp cận mã” thì theo quy định của pháp luật về đất đai là do nhà nước quản lý, không giao quyền sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân nào nên những người tham gia lập giấy cam kết nêu trên là không đúng pháp luật. Đối với việc bà L trình bày nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị N 15m x 15m đất vào năm 2001 thì tại giấy chuyển nhượng không ghi rõ vị trí, nguồn gốc đất và không có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặt khác, trong quá trình quản lý, sử dụng, bà L không kê khai, đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó, chưa có đủ căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị lại có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất có khiếu kiện.

Như vậy, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do phía người bị kiện cung cấp thì chỉ có căn cứ xác định: Diện tích đất mà bà Nguyễn Thị L xây móng đá chẻ bị Chủ tịch UBND thị xã N xử phạt vi phạm hành chính bằng Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC thuộc một phần thửa số 345 và 346, tờ bản đồ số 4 quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N đã được UBND thị xã N phê duyệt; nguyên trước khi quy hoạch là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 xã N (nay là phường N) có nguồn gốc là đất mồ mã có trước năm 1975, theo Sổ mục kê đất đai xã N năm 2002 thì thửa đất này là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang và đất nghĩa địa do UBND xã N quản lý. Do đó, căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính do UBND phường N lập ngày 16/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N đã ban hành Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị L về hành vi lấn chiếm đất ở là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, Chủ tịch UBND thị xã N và Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục,

thẩm quyền theo các quy định của Luật khiếu nại; nội dung đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; tuy vậy, nội dung đơn kháng cáo cũng như nội dung văn bản ghi ý kiến của bà N ngày 06/3/2021 và ngày 20/6/2021 phần lớn đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, có một số ý kiến không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không có căn cứ để chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; các Điều 12, 22, 23, 204, 208 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L về việc hủy Quyết định số 2381/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc “Xử phạt vi phạm hành chính”, Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N “V/v giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L... (lần đầu)” và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L... (lần hai)”.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ.

3. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (bà L đã nộp đủ).



4. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ.  
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/7/2021.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Điền**